

Tuấn Đào & Đức Lưu (2022). Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào R&D ở Việt Nam. *Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 1(2022), 153-163.

Đặc san Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển

© Học viện
Chính sách
và Phát triển, 2022
© CSR, 2022

Bài báo khoa học

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào R&D ở Việt Nam

Đào Hoàng Tuấn (TS.)

Lưu Minh Đức (TS.)

Học viện Chính sách và Phát triển

Tóm tắt. Mặc dù Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về số lượng và quy mô thu hút vốn của các dự án FDI trong hơn 30 năm qua nhưng chất lượng của dòng vốn FDI chưa cao, tác động lan tỏa chưa đạt được hiệu quả như mong đợi. Chính vì vậy, dòng vốn FDI vào R&D rất được kỳ vọng để tạo ra tác động, lấp đầy khoảng trống này. Điều này đã được Đảng và Nhà nước nhấn mạnh trong Nghị quyết 50 về định hướng nâng cao chất lượng đầu tư nước ngoài. Thực tế cho thấy, dòng vốn FDI vào R&D ở Việt Nam tuy còn khiêm tốn nhưng đã có một số dự án FDI của các công ty đa quốc gia hàng đầu trên thế giới đầu tư có hiệu quả vào R&D ở Việt Nam và đang có kế hoạch tiếp tục mở rộng. Để phát huy hơn nữa tiềm năng này, bài viết đưa ra một số đề xuất về giải pháp cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 50 nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của vốn FDI, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

Ngày nhận bài:
15 tháng 12, 2021
Bản sửa lần 1:
26 tháng 12, 2021
Ngày duyệt bài:
30 tháng 12, 2021

Mã số: ĐS150122

Abstract. Although Vietnam has recently gained immense achievements in FDI attraction in terms of the quantity and volume of these projects during more than 30 years, their quality is not high, and spillover effects are not as effective as expected. Hence, FDI in R&D is highly considered to address this issue. This has been acknowledged by the Party and State in Resolution 50 on the orientation of improving the quality of foreign investment. In fact, despite the modest scale of the FDI in R&D so far in Vietnam, there have been a number of projects implemented by the world-leading multinational corporations that are efficient and planned to be expanded. In order to capitalize on this potential, this article proposes several solutions to realize the instructive viewpoints put forth by Resolution 50 to promote the quality and efficiency of the FDI, contributing to socio-economic development in the coming years.

Từ khóa: Đầu tư nước ngoài, FDI, Nghị quyết 50, R&D, Việt Nam

Foreign investment, FDI, Resolution 50, R&D, Vietnam

Mở đầu

Sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nói riêng. Xét về quy mô, tính đến nay, Việt Nam đã thu hút được hơn 34 nghìn dự án đầu tư còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký đạt trên 400 tỷ USD; vốn thực hiện tích lũy đạt 247 tỷ USD bằng 61,1% lượng vốn đăng ký. Tuy nhiên, xét về chất lượng, dòng vốn FDI phần lớn tập trung ở công đoạn lắp ráp với giá trị gia tăng thấp, tác động lan tỏa chưa đạt được như kỳ vọng. Vì vậy, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019, về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030. Đây là một chủ trương đúng đắn của Đảng nhằm nâng cao chất lượng của dòng vốn FDI, bao gồm thu hút FDI vào những ngành/lĩnh vực/công đoạn có giá trị lan tỏa cao hơn, trong đó có lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, bên cạnh các tác động lan tỏa trực tiếp, như việc tạo ra các việc làm có thu nhập cao, tạo ra giá trị gia tăng cao cho nền kinh tế, thu hút FDI vào R&D còn tạo ra các tác động gián tiếp qua việc đẩy mạnh việc hấp thụ công nghệ của quốc gia nhận đầu tư và giúp các quốc gia này hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Xu thế đầu tư FDI trên thế giới đang tạo ra những cơ hội tiềm năng cho Việt Nam trong việc thu hút FDI vào lĩnh vực R&D. Nếu như trong giai đoạn trước, R&D thường diễn ra ở trụ sở chính của các tập đoàn đa quốc gia và nếu được đầu tư ra nước ngoài thì phần lớn cũng hướng đến

các nước đã phát triển, ngày nay quy mô của R&D được thực hiện bởi các doanh nghiệp FDI ngày càng tăng và diễn ra cả ở các quốc gia đang phát triển. Tỷ trọng đóng góp của các doanh nghiệp FDI trong cơ cấu đầu tư vào R&D hiện lên đến 30%-50% và thậm chí trên 50% ở nhiều nước OECD (Dachs, 2017); trong khi đó, các quốc gia đang phát triển đã và đang có những chính sách tích cực để thu hút dòng vốn này. Có thể thấy, đây là cơ hội cho các quốc gia đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng thu hút dòng vốn có chất lượng này. Là một trong những quốc gia trong Asean đang đi đầu trong hội nhập kinh tế thế giới, Việt Nam có cơ hội để trở thành cứ điểm để các công ty đa quốc gia hàng đầu đặt trụ sở, mở rộng sang cả lĩnh vực R&D, phục vụ các hoạt động kinh doanh của các công ty này trong khu vực ASEAN.

Bài viết này sẽ giới thiệu những nội dung chính của Nghị quyết 50 liên quan đến vấn đề R&D và những lợi ích của vốn FDI vào R&D; sau đó đánh giá thực trạng của dòng vốn FDI vào R&D trong thời gian qua ở Việt Nam. Những phân tích này sẽ làm cơ sở để bài viết đề xuất các định hướng về quan điểm và giải pháp chính sách thu hút FDI vào R&D trong thời gian tới. Trong giới hạn của bài viết, các chính sách đã có ở Việt Nam sẽ không được nêu cụ thể mà đề cập thông qua những đánh giá của Nghị quyết 50. Bên cạnh đó, xu hướng vận động của dòng vốn FDI vào R&D trên thế giới và kinh nghiệm của các nước cũng sẽ chỉ được nêu khái quát cùng việc nhận diện những lợi ích của vốn FDI vào R&D đã được phân tích và tổng kết bởi các công trình nghiên cứu quốc tế khác.

1. Nghị quyết 50 của Bộ chính trị về nâng cao chất lượng đầu tư nước ngoài

Tính lũy kế đến ngày 20/10/2021, cả nước có 34.266 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký trên 404 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án FDI ước đạt trên 247 tỷ USD, bằng 61,1% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực. Mặc dù Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về thu hút vốn FDI như vậy và nhà nước đã có những chính sách ưu đãi để thu hút FDI cho lĩnh vực công nghệ cao từ nhiều năm nay nhưng tác động tràn về công nghệ chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Đa số các doanh nghiệp này chỉ chuyển những công đoạn gia công, chế biến trong chuỗi giá trị sang đây để khai thác nguồn nhân công dồi dào, giá rẻ và những chính sách ưu đãi về tiếp cận mặt bằng, thuế của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 (sau đây gọi là Nghị quyết 50) về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

Nội dung của Nghị quyết 50 gồm có 4 phần chính: i) Tình hình và nguyên nhân; ii) Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu; iii) Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu; iv) Tổ chức thực hiện.

Về nhận định tình hình và nguyên nhân, Nghị quyết 50 cũng chỉ rõ thời gian qua nhờ có những chủ trương, chính sách thu hút FDI, tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, khu vực kinh tế có vốn FDI đã phát triển nhanh, trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, đóng góp thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, việc thu hút, quản lý và hoạt động đầu tư nước ngoài còn nhiều tồn tại, hạn chế

như: “Số lượng dự án quy mô nhỏ, công nghệ thấp, thâm dụng lao động còn lớn; phân bố không đều; tỉ lệ vốn thực hiện trên vốn đăng ký còn thấp... Liên kết, tương tác với các khu vực khác của nền kinh tế thiếu chặt chẽ, hiệu ứng lan toả về năng suất và công nghệ chưa cao; tỉ lệ nội địa hoá còn thấp”.

Do đó, quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 50 là: “Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan toả, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu”.

Nghị quyết 50 đặt ra mục tiêu tổng quát trong đó có việc: “Hoàn thiện thể chế, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao, hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.”

Các mục tiêu cụ thể, ngoài các chỉ tiêu định lượng về vốn FDI đăng ký và thực hiện hàng năm; Nghị quyết 50 còn có các mục tiêu về chất lượng như sau: i) Tỉ lệ doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, bảo vệ môi trường, hướng đến công nghệ cao tăng 50% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030 so với năm 2018; ii) Tỉ lệ nội địa hoá tăng từ 20 - 25% hiện nay, lên mức 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030.

Về nhiệm vụ, giải pháp, đáng chú ý là Nghị quyết 50 nêu bật vai trò của FDI vào

R&D như một trong các lĩnh vực mũi nhọn để thu hút đầu tư, cụ thể là:

“Xây dựng thể chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh quốc tế tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao..., thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.”

Như vậy, có thể thấy FDI vào R&D đã được nhấn mạnh trong chủ trương, chính sách mới nhất và ở cấp cao nhất của Đảng và Nhà nước về thu hút đầu tư nước ngoài.

2. Xu hướng phát triển và những lợi ích của FDI vào R&D

Theo OECD, nghiên cứu và phát triển (R&D) bao gồm công việc sáng tạo và có hệ thống được thực hiện nhằm tăng nguồn kiến thức - bao gồm kiến thức về loài người, văn hóa và xã hội - và để đưa ra các ứng dụng mới của kiến thức sẵn có. Như vậy, R&D khác biệt với nghiên cứu cơ bản ở mục đích hướng tới ứng dụng và thử nghiệm mang tính thương mại nhiều hơn. Đối tượng và kết quả của hoạt động R&D trong doanh nghiệp có thể là một sản phẩm mới, công nghệ mới, quy trình mới hoặc nâng cấp, cải tiến sản phẩm, công nghệ, quy trình hiện có. R&D có thể được tài trợ bởi Chính phủ, các cơ sở giáo dục đào tạo và học thuật, các tổ chức phi lợi nhuận tư nhân; nhưng nguồn đầu tư lớn nhất vẫn là từ các doanh nghiệp bởi doanh nghiệp cần thúc đẩy R&D để duy trì năng lực cạnh tranh của mình trên thị trường. Hiện tại, các quốc gia đã phát triển vẫn dẫn đầu về tỷ lệ chi tiêu hàng năm cho R&D lên

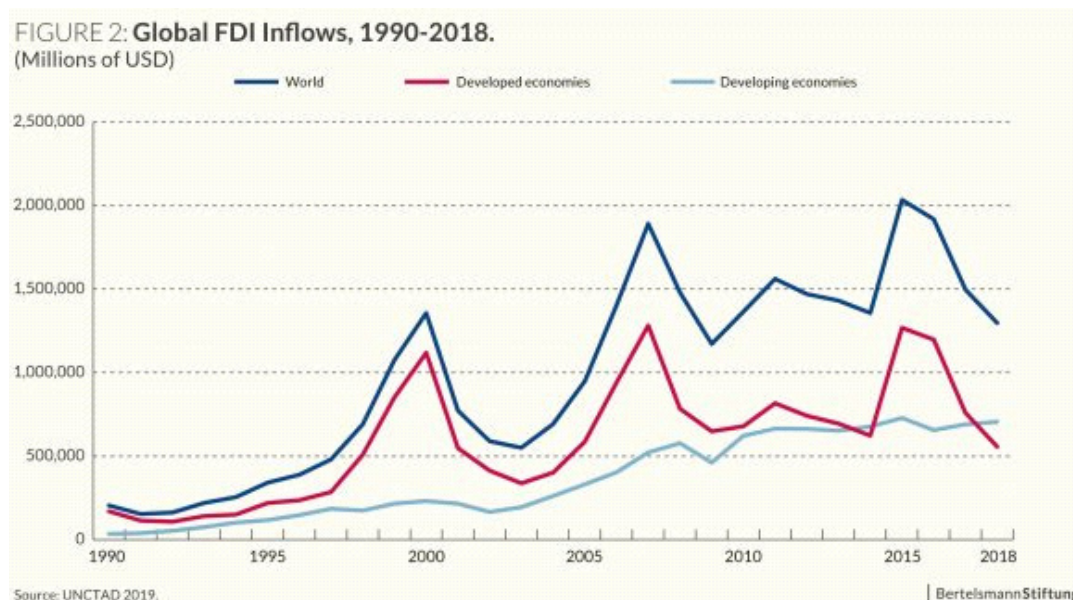
tới 3-4% GDP, trong đó vốn đầu tư của khu vực doanh nghiệp thường gấp 5 lần khu vực công (VKIST 2019; Trịnh Thu Thủy 2021).

Như vậy, đối với nước tiếp nhận đầu tư, dòng vốn FDI vào R&D chính là nguồn đầu tư cho R&D đến từ các doanh nghiệp FDI; do đó cần xem xét trong xu hướng phát triển của dòng vốn FDI nói chung.

Có thể thấy, kể từ thập niên 1990, dòng vốn FDI chảy vào (inflows) gia tăng mạnh trên toàn thế giới, xu hướng này đạt đỉnh hơn 1,800 tỷ USD vào năm 2007 trước khi sụt giảm do Khủng hoảng tài chính toàn cầu. Cho đến thời điểm này, phần lớn FDI diễn ra giữa các nền kinh tế đã phát triển với vai trò nổi bật của các công ty đa quốc gia (MNCs). Dù vậy, ở giai đoạn tiếp sau đó cho đến những năm gần đây, khi dòng vốn FDI của các quốc gia đã phát triển lên xuống không đều thì các nước đang phát triển lại tăng trưởng liên tục, trở thành động lực mới, chiếm tỷ trọng gần 50% dòng vốn FDI toàn cầu.

Cần phải nói rằng, FDI vào R&D ban đầu chưa được chú ý bởi xét về chuỗi giá trị, R&D là công đoạn ít được quốc tế hóa nhất. Do đó, chỉ khi xu thế FDI trên toàn cầu được thúc đẩy mạnh mẽ, đạt đỉnh trong thập niên đầu thế kỷ XXI, bao gồm dòng vốn đầu tư vào R&D, giới học thuật và chính phủ các nước đã phát triển mới bắt đầu chú ý nghiên cứu và gọi là sự quốc tế hóa hoạt động R&D (internationalization of R&D) (UNCTAD 2005; OECD 2008). Theo các nghiên cứu này, dòng vốn FDI vào R&D có một số đặc điểm mới sau đây:

Một là, quy mô của dòng vốn này ngày càng lớn, tăng 1,7 lần đạt 60,5 tỷ USD trong



Hình 1: Vốn FDI được tiếp nhận trên toàn cầu, 1990-2018 (triệu USD)

Nguồn: Jungbluth (2019)

giai đoạn 1997-2002; đáng chú ý có đến 2/3 số vốn FDI vào R&D được đầu tư qua lại giữa các quốc gia Châu Âu và Bắc Mỹ (Wellhausen 2013). Mặc dù vậy, đến giai đoạn 2014-2019, hai nước đứng đầu về số lượng tiếp nhận vốn FDI vào R&D là Trung Quốc và Ấn Độ, với số vốn tích lũy tương ứng là 24,4 tỷ USD và 23,2 tỷ USD, trong khi Hoa Kỳ chỉ thu hút được 20,6 tỷ USD trong cùng giai đoạn này, chỉ bằng quy mô của một năm trong giai đoạn nửa sau thập niên 1990. Các nước tiếp nhận nhiều vốn FDI vào R&D còn có Canada (18,7 tỷ USD) và Singapore (10,1 tỷ USD) (OPSAGI 2020).

Hai là, sự quốc tế hóa trong đầu tư cho R&D thể hiện những tác động của xu thế thuê ngoài dịch vụ (out-sourcing); và sự điều chỉnh động lực tìm kiếm lợi ích cạnh tranh của các MNCs trong lĩnh vực này. Theo Wellhausen (2013), trước đây FDI vào R&D thường đi sau vốn FDI vào lĩnh vực chế biến chế tạo. Các MNCs tiến hành R&D để bổ

sung cho các chuỗi giá trị đã được đầu tư của họ hướng đến mục đích nhằm khai thác tài nguyên của nước tiếp nhận vốn thông qua việc tận dụng những kiến thức sẵn có, trình độ chuyên môn của các trung tâm nghiên cứu ở các nước tiếp nhận và cải tiến sản phẩm cho phù hợp với thị trường bản địa. Tuy nhiên, dưới sức ép của thị trường cạnh tranh toàn cầu, các MNCs ngày nay phải chạy đua trong việc thúc đẩy năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, phát triển công nghệ mới (Igbinigie và cộng sự 2020). Các công ty phải tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao với chi phí thấp nhất và các nước đang phát triển đáp ứng được nhu cầu đó.

Ba là, rõ ràng có thể thấy năng lực tiếp nhận vốn FDI của các nền kinh tế đang phát triển đã được cải thiện đáng kể ở tất cả các chiều cạnh. Điểm khác biệt của vốn FDI vào R&D so với vốn FDI truyền thống là ở chỗ nguồn nhân lực chú trọng vào nhân lực chất lượng cao; cơ sở hạ tầng nhấn mạnh nhiều

hơn đến cơ sở hạ tầng thông tin (ICT); khung khổ pháp luật nhấn mạnh đến sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp (Guimon 2008).

Ngoài những lợi ích của FDI truyền thống như tạo việc làm và thu nhập, dòng vốn FDI vào R&D còn có những lợi ích khác đối với nước tiếp nhận, bao gồm:

Một là, nâng cao năng suất lao động. Hiệu quả của việc thu hút FDI vào R&D cần được nhìn nhận dưới góc độ năng suất, chứ không phải là thúc đẩy xuất khẩu như FDI vào lĩnh vực sản xuất nói chung. R&D không có mối liên hệ trực tiếp với kim ngạch xuất khẩu như thường được mong đợi khi thu hút FDI truyền thống. Như vậy, bằng việc cải thiện năng suất, FDI vào R&D sẽ đóng góp vào tăng trưởng GDP một cách gián tiếp khi thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng sản lượng của các doanh nghiệp FDI (OPSAGI 2020; Sharma và cộng sự 2020).

Hai là, tác động tràn về công nghệ của vốn FDI diễn ra rõ rệt và trực tiếp hơn. Điều này có được không chỉ do công nghệ sản xuất được nâng cấp, mà còn do trình độ của người lao động được nâng cao thông qua tích lũy các tri thức mới khi các công nhân, kỹ sư của nước tiếp nhận được tiếp cận, học hỏi những quy trình, công nghệ, kiến thức tiên tiến nhất. Và sự gia tăng kiến thức như vậy sẽ khiến người lao động nâng cao được trình độ, kỹ năng và có thể sử dụng công nghệ tốt hơn, hiệu quả hơn, từ đó mang lại năng suất cao hơn không chỉ cho các doanh nghiệp FDI mà còn cho toàn bộ nền kinh tế.

Cuối cùng, FDI vào lĩnh vực R&D cũng có thể góp phần thay đổi cơ cấu công nghiệp theo hướng tăng tỷ lệ các công ty thâm dụng

công nghệ và ra đời các cụm liên kết ngành, công nghệ cao ở nước tiếp nhận đầu tư.

3. Thực trạng thu hút vốn FDI vào R&D ở Việt Nam

Dòng vốn FDI vào R&D ở Việt Nam tuy còn khiêm tốn nhưng có triển vọng phát triển mạnh trong thời gian tới. Số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài cho thấy, vốn FDI vào lĩnh vực "*Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ*" là 3.691,2 triệu USD, chiếm 1% tổng số vốn FDI đăng ký trên cả nước tính đến cuối năm 2020. Các dự án FDI vào R&D ở Việt Nam có thể kể đến như dưới đây:

Qualcomm mới đây công bố phòng thí nghiệm duy nhất của hãng ở Đông Nam Á; đặt tại Hà Nội vào tháng 6/2020 với quy mô 4 phòng lab, tập trung vào các công nghệ có vai trò quan trọng hàng đầu hiện nay. Đến tháng 4 năm nay, trung tâm có khoảng 50 kỹ sư, toàn bộ là người Việt Nam. Intel Products Vietnam đã xây dựng cơ sở sản xuất lắp ráp và kiểm định (ATM) lớn nhất trong mạng lưới lắp ráp và kiểm định của Intel trên toàn cầu đặt ở Việt Nam, tạo việc làm cho 5.000 nhân viên. Hewlett-Packard (HP) đã thành lập Trung tâm R&D tại Công viên phần mềm Quang Trung, TP. HCM từ năm 2012, là một trong những trung tâm R&D đầu tiên được HP lập ở Việt Nam. Robert Bosch Việt Nam đang vận hành hai Trung tâm R&D tại tỉnh Đồng Nai và TP. HCM. Các trung tâm này đang được đầu tư thêm để nâng cao năng lực nghiên cứu, phục vụ cho cả khu vực châu Á. Piaggio đã thành lập bộ phận R&D bên cạnh nhà máy sản xuất ở Vĩnh Phúc. Nhà máy này và trụ sở của công ty ở Việt Nam được coi là đại bản doanh ở thị trường Châu Á - Thái Bình Dương, do đây là nhà

máy lớn thứ 3 của tập đoàn chỉ sau hai cơ sở khác ở Pontedera, Italia và Baramati, Ấn Độ (Quang Nam 2020).

Hộp 1: SamSung - doanh nghiệp FDI tiên phong trong đầu tư vào R&D ở Việt Nam

SamSung Vina đang là nhà đầu tư FDI lớn nhất ở Việt Nam. Cho đến nay, MNC này đã đầu tư 18 tỷ USD, chiếm 7,5% vốn thực hiện ở Việt Nam. Năm 2020, SamSung Vina xuất khẩu 62 tỷ USD, đóng góp đến 23% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Hiện SamSung cũng là một trong những MNCs đầu tư cho R&D lớn nhất trên thế giới với 34 trung tâm R&D lớn, chiếm 1/5 nhân sự của hãng; chi 34,8 triệu USD/mỗi ngày cho R&D.

Ở Việt Nam, SamSung đã có 4 dự án đầu tư vào lĩnh vực R&D để hỗ trợ nâng cao chất lượng cho các chuỗi sản phẩm của mình.

SamSung Vietnam Mobile R&D Centre (SVMC) đã được SamSung thành lập từ năm 2012 ở Việt Nam là một trong những trung tâm R&D đầu tiên trên cả nước, đặt ở tòa nhà PVI Cầu Giấy, với 1,600 kỹ sư và nhân viên làm việc cho mảng điện thoại và máy tính bảng, phân phối cho thị trường Đông Nam Á.

Ở TP.HCM, Trung tâm R&D chiến lược về các sản phẩm điện tử dân dụng (SHRC) được khánh thành vào tháng 7/2017 đặt tại khu công nghệ cao SEHC với các phòng lab hiện đại bao gồm các công nghệ Mold center, Automation, Facility, QA Test lab, Circuit, Software, Modelling và 3D Scanning.

Trung tâm R&D thứ 3 (SDS R&D Vietnam - SDSRV) được Công ty Samsung SDS thành lập với trọng tâm là nghiên cứu lĩnh vực trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu.

Samsung Display Vietnam (SDV), thực hiện nhiều chương trình phát triển nhân tài để có nguồn nhân lực chất lượng cao cho các hoạt động nghiên cứu liên quan đến công nghệ tiên tiến về màn hình. Đáng chú ý là SDV chú trọng phát triển liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ ở Việt Nam với 11 phòng lab tại các trường đại học đã được mở ra theo tiêu chuẩn quốc tế.

Hiện tại, SamSung đang theo đuổi một dự án R&D đầy tham vọng ở Việt Nam, dự kiến sẽ được hoàn thành trong năm 2022, đặt tại khu Ngoại giao đoàn, Bắc Từ Liêm; vốn đầu tư là 220 triệu USD; sử dụng 3,000 nhân viên. Đây sẽ là trung tâm R&D có quy mô lớn nhất Đông Nam Á.

(Nguồn: Website của SamSung; Hà Nguyễn 2021)

Ngoài các công ty trên, còn có các doanh nghiệp FDI khác đã và đang thiết lập bộ phận R&D ở Việt Nam, như Grab mở trung tâm R&D tại TP HCM; LG sẽ mở trung tâm thứ hai tại Đà Nẵng; Nissan, Panasonic, Toshiba đều đã có các trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam (Luu Quý 2021).

Hộp 2: Nissan Techno Vietnam

Được thành lập từ tháng 6/2001, Công ty TNHH Nissan Techno Việt Nam đã tổ chức xây dựng nhà xưởng nghiên cứu trên diện tích 1,3ha và diện tích xây dựng là 3.500m²; chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 26/12/2011. Tính đến hết năm 2011, tổng số nhân viên của Nissan Techno Việt Nam đã lên tới 1.370 người, doanh thu đạt 2,8 triệu Yên (tương đương khoảng 7.567 tỷ đồng). Tại Trung tâm này, các kỹ sư của Nissan Techno Việt Nam thu thập các động

cơ ô tô Nissan đang được sử dụng trên toàn thế giới để tiến hành tháo rời, kiểm tra phân tích và đo đặc linh kiện, thông qua đó tạo dựng cơ sở dữ liệu hướng đến nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nissan Techno Vietnam là một ví dụ rất sinh động về vốn FDI vào R&D ở Việt Nam khi đây là công ty con chuyên về R&D của Nissan Nhật Bản. Dù là Việt Nam là quốc gia chưa có ngành công nghiệp ô tô theo đúng nghĩa, nhưng Nissan Techno Vietnam vẫn thu được những kết quả tốt trong hoạt động R&D. Tính đến tháng 10/2015, đã có gần 1.800 nhân viên Việt Nam làm việc trong các hoạt động của R&D của Nissan Techno Vietnam.

(Nguồn: Ban Quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc 2011; Ngọc Linh 2016)

Như vậy, có thể thấy dòng vốn FDI vào R&D ở Việt Nam còn khiêm tốn, nhưng triển vọng phát triển trong thời gian tới là rất khả quan. Một trong những nhân tố quan trọng để thu hút dòng vốn FDI vào R&D là chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam đã được nâng cao đáng kể cả về lý thuyết và thực tế nhờ những cải cách trong ngành giáo dục. Kết hợp với mức lương còn tương đối thấp so với mặt bằng quốc tế, rõ ràng nguồn nhân lực này sẽ hấp dẫn các MNCs đầu tư vào R&D ở nước ta. Nếu Việt Nam có những chính sách phát triển hạ tầng và các chính sách ưu đãi hợp lý khác, tiềm năng thu hút vốn FDI vào R&D sẽ còn được phát huy nữa trong thời gian sắp tới.

4. Đề xuất giải pháp

Dựa trên các quan điểm, mục tiêu và giải pháp đề ra trong Nghị quyết 50, trong thời gian tới, các giải pháp cụ thể để thu hút

có hiệu quả vốn FDI vào R&D ở Việt Nam có thể được đề xuất cho các bộ, ngành tham khảo như sau đây:

i) Cải thiện khung thể chế liên quan đến R&D:

Một khung thể chế tốt tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và khuyến khích cả hoạt động đổi mới sáng tạo nói riêng. Môi trường vĩ mô ổn định, môi trường kinh doanh lành mạnh, hành lang pháp lý rõ ràng, cởi mở đối với thương mại và đầu tư, hệ thống tài chính phát triển... đều là những hạ tầng cần thiết để thúc đẩy hoạt động R&D của một quốc gia. Một hệ thống tốt giúp các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp FDI nói riêng tính toán được chi phí và rủi ro cho đầu tư vào hoạt động nghiên cứu phát triển. Sản phẩm của R&D là các phát minh, sáng chế, nếu không được bảo vệ đầy đủ bởi luật pháp sẽ làm suy giảm động cơ để đầu tư cho các hoạt động R&D.

Tiếp tục duy trì nền tảng kinh tế, chính trị ổn định. Dịch bệnh Covid làm suy giảm tăng trưởng cũng như các gói kích cầu, mặc dù cần thiết nhưng làm gia tăng thâm hụt ngân sách, sẽ là những thách thức cho nền tảng kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong thời gian tới. Thực hiện những đánh giá sâu và chi tiết về các rào cản trong toàn bộ hệ thống thể chế đối với các hoạt động đổi mới sáng tạo, hoạt động R&D và đưa ra những khuyến nghị, hành động chi tiết và cụ thể. Giảm các gánh nặng về hành chính liên quan đến các hoạt động R&D được thực hiện từ ngân sách nhà nước. Đưa ra những chính sách để kết nối nguồn lực này tốt hơn đến nhu cầu của doanh nghiệp. Giảm rào cản cho khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp

cận nguồn tài chính cho R&D. Tiếp tục đẩy mạnh thực thi quyền sở hữu trí tuệ để làm tăng động lực cho hoạt động R&D.

ii) Tăng cường các nguồn lực công cho hoạt động R&D

Định hình các chiến lược về R&D rõ ràng với các mục tiêu cụ thể. Các mục tiêu này cần được trao đổi, thảo luận và triển khai ở cấp cao nhất của chính phủ. Nâng cao nguồn lực của khu vực công dành cho R&D.

iii) Tăng cường chất lượng nguồn nhân lực cho hoạt động R&D

Tăng cường chất lượng của các trường đại học, cao đẳng. Gỡ bỏ các rào cản về học phí để các trường đại học huy động được nguồn lực xã hội lớn hơn. Kinh nghiệm quốc tế và bằng chứng thực nghiệm của các nghiên cứu cho thấy chất lượng của giáo dục đại học, không phải số lượng, là nhân tố quan trọng cho hoạt động đổi mới sáng tạo.

Tăng cường nguồn lực, bao gồm cả đầu tư từ khu vực công, cho các trường đại học khối kỹ thuật. Chương trình đào tạo cũng cần được đổi mới để bám sát đòi hỏi từ khu vực doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp thực hiện các liên kết, hợp tác đào tạo với các trường đại học và viện nghiên cứu trong lĩnh vực R&D.

iv) Tăng cường R&D cho khu vực doanh nghiệp

Đưa ra các chính sách khuyến khích dịch chuyển lao động từ khu vực FDI sang khu vực trong nước. Chính sách khuyến khích, hỗ trợ nguồn nhân lực đã có thời gian học tập, lao động ở nước ngoài về làm việc trong nước. Thí điểm các chương trình hợp tác công tư (PPP) trong nghiên cứu phát triển để tạo điều kiện cho doanh nghiệp

tham gia vào các dự án R&D từ nguồn ngân sách nhà nước.

v) Các chính sách liên quan trực tiếp đến R&D của khu vực FDI

Tạo điều kiện cho chuyên gia nước ngoài làm việc trong lĩnh vực R&D nói chung và R&D của các doanh nghiệp FDI nói riêng. Tạo điều kiện tối đa về thị thực và giấy phép lao động. Đưa ra các chính sách ưu đãi về thuế XNK đối với máy móc, công nghệ sử dụng cho dự án R&D cần áp dụng mức thuế 0%. Đưa ra chính sách ưu đãi về phí thuê đất, phí sử dụng đất đối với các dự án R&D bên cạnh việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Bên cạnh các ưu đãi cho các dự án R&D quy mô lớn, cần đưa ra các ưu đãi cho cả các dự án R&D quy mô nhỏ. Kinh nghiệm thế giới cho thấy rất nhiều dự án R&D quy mô nhỏ hoạt động rất hiệu quả. Có thể đưa ra mức ưu đãi dựa trên chi phí cho R&D của doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc (2011), *Nissan Techno khánh thành Trung tâm kỹ thuật Ô-tô Hòa Lạc*, đăng tháng 12/2011, link: <http://www.en.trithuckhoahoc.vn/Default.aspx?tabid=235&NDID=11640>
2. Bộ Chính trị Ban Chấp hành TW Đảng Khóa XII (2019), *Nghị quyết số 50-NQ/TW về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030*, ngày 20/8/2019.
3. Dachs, B. (2017), *'Internationalisation of R&D: a review of drivers, impacts, and new lines of research'*, MPRA Research paper, Australian Institute of Technology, December 2017.
4. Hà Nguyễn (2021), *'Vén màn bức tranh R&D của Samsung ở Việt Nam'*, *Báo Đầu tư Online*, đăng ngày 22/3/2021, link: <https://baodautu.vn/ven-man->

- buc-tranh-rd-cua-samsung-o-viet-nam-d139726.html
5. Guimon, J. (2008), *Government strategies to attract R&D-intensive FDI*, OECD's Global Forum on International Investment VII, March 2008.
 6. Igbini, O., Cook, M. & Zheng, L. (2020), *Strategic motivations of inward R&D FDI: an empirical analysis of the UK*, Palgrave-MacMillan.
 7. Jungbluth, C. (2019), *Tracing three decades of foreign direct investment booms and bursts and their recent decline*, GED-Project, Bertelsmann Stiftung, Link: <https://ged-project.de/trade-and-investment/foreign-direct-investment/>
 8. Lưu Quý (2021), 'Việt Nam thành trung tâm R&D của nhiều "ông lớn" công nghệ', *Báo Vnexpress*, đăng ngày 16/4/2021, link: <https://vnexpress.net/viet-nam-thanh-trung-tam-r-amp-d-cua-nhieu-ong-lon-cong-nghe-4253564.html>
 9. Ngọc Linh (2016), 'Việt Nam có tận dụng được cơ hội từ các dự án R&D?', *BizLive - Nhịp sống doanh nghiệp*, đăng ngày 22/3/2021, link: <https://nhipsongdoanhnghiep.cuocsongantoan.vn/kinh-te-dau-tu/viet-nam-co-tan-dung-duoc-co-hoi-tu-cac-du-an-rd-1642422.html>
 10. OECD (2008), *The internationalisation of business R&D: evidence, impacts and implications*, Research paper.
 11. Office of the Principal Scientific Advisor to the Government of India (OPSAGI) (2020), *'FDI into R&D: current status and way forward'*, Research paper.
 12. Quang Nam (2020), 'Piaggio Việt Nam - doanh nghiệp FDI điển hình của Vĩnh Phúc', *Báo Vĩnh Phúc Online*, đăng ngày 7/10/2020, link: <http://baovinhphuc.com.vn/kinh-te/53546/piaggio-viet-nam---doanh-nghiep-fdi-dien-hinh-cua-vinh-phuc.html>
 13. Sharma A., Chakki, N. & Varmani, M. (2020), *'The case for foreign direct investment in research & development in India'*, Invest India, October 29 2020; link: <https://www.investindia.gov.in/siru/case-foreign-direct-investment-research-development-india>
 14. Trịnh Thu Thủy (2019), 'Thúc đẩy doanh nghiệp nghiên cứu đổi mới công nghệ: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam', *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 10, tháng 4/2021.
 15. UNCTAD (2005), *Transnational corporations and the internationalisation of R&D*, World Investment Report, United Nations.
 16. VKIST (2019), *'Các quốc gia đầu tư bao nhiêu cho R&D'*, *R&D Ngày nay*, Website của Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc, đăng ngày 20/8/2019, link: <https://www.vkist.gov.vn/vi/post/cac-quoc-gia-dau-tu-bao-nhieu-cho-rd-85.htm>
 17. Wellhausen, R. (2013), 'Innovation in tow: R&D FDI and investment incentives', *Business and Politics*, vol. 15(4), pp. 467-491.